

**CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN  
QUẢN LÝ ĐƯỜNG SẮT QUẢNG NAM - ĐÀ NẴNG**

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

**Cho giai đoạn hoạt động từ ngày 01/01/2015 đến ngày 03/01/2016  
Đã được kiểm toán**

**Hà Nội - Tháng 2 năm 2016**

## MỤC LỤC

<b>Nội dung</b>	<b>Trang</b>
<b>Báo cáo của Ban Giám đốc</b>	2 - 3
<b>Báo cáo Kiểm toán độc lập</b>	4 - 5
<b>Báo cáo tài chính đã được kiểm toán</b>	
Bảng cân đối kế toán	6 - 7
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	8
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	9
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính	10 - 35

## **BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC**

Ban Giám đốc Công ty TNHH Một thành viên Quản lý Đường sắt Quảng Nam - Đà Nẵng (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính của Công ty cho giai đoạn hoạt động từ ngày 01/01/2015 đến ngày 03/01/2016.

### **KHÁI QUÁT CHUNG**

Công ty TNHH MTV Quản lý Đường sắt Quảng Nam - Đà Nẵng là công ty con với 100% vốn điều lệ do Tổng Công ty Đường sắt Việt Nam nắm giữ, được chuyển đổi từ Công ty Quản lý Đường sắt Quảng Nam - Đà Nẵng theo Quyết định số 712/QĐ-ĐS ngày 29/06/2010 của Tổng Công ty Đường sắt Việt Nam. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh được đăng ký lần đầu ngày 03/12/2010 và đăng ký thay đổi lần đầu ngày 09/09/2013.

Năm 2015, Công ty thực hiện cổ phần hóa theo quyết định số 64/QĐ-BGTVT ngày 08/01/2015 của Bộ Giao thông vận tải về việc phê duyệt danh sách doanh nghiệp thực hiện cổ phần hóa. Ngày 04/01/2016, Công ty chính thức chuyển đổi thành Công ty Cổ phần Đường sắt Quảng Nam - Đà Nẵng theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần 3 do Sở kế hoạch và Đầu tư thành phố Đà Nẵng cấp.

Trụ sở chính của Công ty tại số 196, đường Hải Phòng, phường Tân Chính, quận Thanh Khê, Thành phố Đà Nẵng.

### **HỘI ĐỒNG THÀNH VIÊN VÀ BAN GIÁM ĐỐC**

Các thành viên của Hội đồng thành viên và Ban Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Ông Nguyễn Văn Tý	Chủ tịch
Ông Nguyễn Xuân Bình	Giám đốc
Ông Huỳnh Văn Sơn	Phó Giám đốc
Ông Kiều Thường	Phó Giám đốc
Ông Huỳnh Văn Việt	Phó Giám đốc

### **KIỂM TOÁN VIÊN**

Báo cáo tài chính cho giai đoạn hoạt động từ ngày 01/01/2015 đến ngày 03/01/2016 của Công ty được kiểm toán bởi Công ty TNHH Tư vấn thuế, Kế toán & Kiểm toán AVINA-IAFC.

### **TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC**

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;

**CÔNG TY TNHH MTV QUẢN LÝ ĐƯỜNG SẮT QUẢNG NAM - ĐÀ NẴNG**

Số 196 đường Hải Phòng - Thành phố Đà Nẵng

- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập và trình bày các báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định có liên quan hiện hành;
- Lập các báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 03/01/2016, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho giai đoạn hoạt động từ ngày 01/01/2015 đến ngày 03/01/2016, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán Việt Nam và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan.



**Nguyễn Văn Tý**

Chủ tịch Công ty

Đà Nẵng, ngày 16 tháng 02 năm 2016

Số: 011/2016/BCKT-TC/AVINA-IAFC

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi:** **Chủ tịch Công ty và Ban Giám đốc**  
**Công ty TNHH Một thành viên Quản lý Đường sắt Quảng Nam - Đà Nẵng**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty TNHH Một thành viên Quản lý Đường sắt Quảng Nam - Đà Nẵng được lập ngày 16 tháng 02 năm 2016, từ trang 06 đến trang 35, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 03/01/2016, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho cho giai đoạn hoạt động từ ngày 01/01/2015 đến ngày 03/01/2016 và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính.

### Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày, tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

## Ý kiến kiểm toán

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty tại ngày 03/01/2016, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho giai đoạn hoạt động từ ngày 01/01/2015 đến ngày 03/01/2016, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.



**Nguyễn Quốc Hùng**

**Giám đốc**

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán  
số: 0295-2013-146-1

Thay mặt và đại diện cho

**CÔNG TY TNHH TƯ VẤN THUẾ KẾ TOÁN & KIỂM TOÁN AVINA-IAFC**

Hà Nội, ngày 17 tháng 02 năm 2016

A handwritten signature in blue ink, appearing to be 'Phạm Tuấn Vũ'.

**Phạm Tuấn Vũ**

**Kiểm toán viên**

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán  
số: 2030-2013-146-1

Mẫu số B01 - DN

## BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 3 tháng 1 năm 2016

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	TM	03/01/2016	01/01/2015
<b>A/ TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>68.435.413.390</b>	<b>77.140.755.516</b>
I/ Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.01	7.536.159.888	733.040.338
1. Tiền	111		7.536.159.888	733.040.338
II/ Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
<b>III/ Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>33.045.867.554</b>	<b>26.265.518.047</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.02	31.621.523.250	26.084.308.811
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		175.800.000	65.800.000
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	2.453.399
4. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.03	1.248.544.304	112.955.837
<b>IV/ Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>		<b>27.761.022.294</b>	<b>50.133.709.650</b>
1. Hàng tồn kho	141	V.05	27.761.022.294	50.133.709.650
<b>V/ Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>92.363.654</b>	<b>8.487.481</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.09	24.985.909	-
2. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	153		67.377.745	8.487.481
<b>B/ TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>15.100.187.107</b>	<b>1.080.395.862.977</b>
I/ Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
<b>II/ Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>9.651.311.861</b>	<b>1.080.017.952.903</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.06	9.345.092.122	1.050.827.913.164
- Nguyên giá	222		22.291.678.605	1.464.891.485.106
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(12.946.586.483)	(414.063.571.942)
2. Tài sản cố định vô hình	227	V.07	306.219.739	29.190.039.739
- Nguyên giá	228		325.825.000	29.203.128.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(19.605.261)	(13.088.261)
<b>III/ Bất động sản đầu tư</b>	<b>230</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>IV/ Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		<b>2.240.782.789</b>	<b>13.376.803</b>
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241	V.08	2.223.680.121	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		17.102.668	13.376.803
<b>V/ Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>VI/ Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>3.208.092.457</b>	<b>364.533.271</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.09	3.208.092.457	364.533.271
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>83.535.600.497</b>	<b>1.157.536.618.493</b>

Mẫu số B01 - DN

## BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP)

Tại ngày 3 tháng 1 năm 2016

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	TM	03/01/2016	01/01/2015
<b>C/ NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>69.796.331.543</b>	<b>78.183.173.175</b>
<b>I/ Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>69.796.331.543</b>	<b>75.048.005.111</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.11	15.397.133.337	38.503.289.808
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		139.460.000	1.139.460.000
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.12	2.679.020.096	1.211.933.415
4. Phải trả người lao động	314		378.094.425	8.879.923.908
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.13	660.801.000	1.400.915.435
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	9.001.461.262
7. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.14	39.922.913.249	8.821.788.817
8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.10	9.391.646.900	-
9. Quỹ khen thưởng phúc lợi	322		1.227.262.536	6.089.232.466
<b>II/ Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>-</b>	<b>3.135.168.064</b>
1. Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	3.135.168.064
<b>D/ VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>13.739.268.954</b>	<b>1.079.353.445.318</b>
<b>I/ Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>V.15</b>	<b>13.739.268.954</b>	<b>11.314.890.944</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		7.624.387.663	11.278.388.869
2. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416	V.16	6.114.881.291	-
3. Quỹ đầu tư phát triển	418		-	36.502.075
<b>II/ Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>		<b>-</b>	<b>1.068.038.554.374</b>
1. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	432		-	1.068.038.554.374
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>83.535.600.497</b>	<b>1.157.536.618.493</b>



Nguyễn Văn Tý  
 Chủ tịch Công ty  
 Đà Nẵng, ngày 16 tháng 02 năm 2016

Phan Thị Lan Hương  
 Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Thanh Vịnh  
 Người lập biểu



Mẫu số B02 - DN

## BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Từ ngày 01/01/2015 đến ngày 03/01/2016

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	TM	Từ ngày	
			01/01/2015 đến ngày 03/01/2016	Năm 2014
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.01	111.211.983.366	111.159.623.832
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		111.211.983.366	111.159.623.832
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.02	98.661.872.015	95.892.368.648
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		12.550.111.351	15.267.255.184
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.03	337.939.882	204.674.364
7. Chi phí tài chính	22	VI.04	13.189.544	482.046.230
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		13.189.544	482.046.230
8. Chi phí bán hàng	25		-	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.07	11.932.305.446	11.863.592.654
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		942.556.243	3.126.290.664
11. Thu nhập khác	31	VI.05	3.322.801.331	1.936.521.563
12. Chi phí khác	32	VI.06	3.220.332.464	1.975.891.756
13. Lợi nhuận khác	40		102.468.867	(39.370.193)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		1.045.025.110	3.086.920.471
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.08	231.083.501	690.920.187
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		813.941.609	2.396.000.284



Nguyễn Văn Tý

Chủ tịch Công ty

Đà Nẵng, ngày 16 tháng 02 năm 2016

Phan Thị Lan Hương

Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Thanh Vịnh

Người lập biểu

Mẫu số B03 - DN

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**  
(Theo phương pháp gián tiếp)  
Từ ngày 01/01/2015 đến ngày 03/01/2016

Đơn vị tính: VND

Chi tiêu	MS	Từ ngày 01/01/2015	
		đến ngày 03/01/2016	Năm 2014
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	1.045.025.110	3.086.920.471
2. Điều chỉnh cho các khoản			
- Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02	1.665.694.061	2.383.050.454
- Các khoản dự phòng	03	-	(3.603.747)
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(337.939.882)	(204.674.364)
- Chi phí lãi vay	06	13.189.544	482.046.240
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	2.385.968.833	5.743.739.054
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09	(6.839.239.771)	(14.229.672.898)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10	22.393.535.271	(19.573.987.013)
- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế TNDN phải nộp)	11	(10.178.057.688)	31.106.715.058
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12	(2.868.545.095)	(93.371.637)
- Tiền lãi vay đã trả	14	(13.189.544)	(483.973.476)
- Thuế TNDN đã nộp	15	(830.146.855)	(1.268.452.238)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16	185.513.636	937.530.405
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(5.658.580.154)	(2.656.433.382)
	20	(1.422.741.367)	(517.906.127)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>			
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(503.725.865)	(1.316.047.218)
2. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	337.939.882	204.674.364
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	30	(165.785.983)	(1.111.372.854)
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>			
1. Tiền thu từ đi vay	33	17.841.646.900	5.061.950.000
2. Tiền trả nợ gốc vay	34	(8.450.000.000)	(13.000.000.000)
3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(1.000.000.000)	-
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	40	8.391.646.900	(7.938.050.000)
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ</b>	50	6.803.119.550	(9.567.328.981)
<b>Tiền và tương đương tiền đầu kỳ</b>	60	733.040.338	10.300.369.319
<b>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ</b>	70	7.536.159.888	733.040.338



Nguyễn Văn Tý

Chủ tịch Công ty

Đà Nẵng, ngày 16 tháng 02 năm 2016

Phan Thị Lan Hương  
Kế toán trưởngNguyễn Thị Thanh Vịnh  
Người lập biểu

Mẫu số B09 - DN

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho giai đoạn hoạt động từ ngày 01/01/2015 đến ngày 03/01/2016

### I. THÔNG TIN CHUNG

#### Hình thức sở hữu vốn

Công ty TNHH MTV Quản lý Đường sắt Quảng Nam - Đà Nẵng là công ty con với 100% vốn điều lệ do Tổng Công ty Đường sắt Việt Nam nắm giữ, được chuyển đổi từ Công ty Quản lý Đường sắt Quảng Nam - Đà Nẵng theo Quyết định số 712/QĐ-ĐS ngày 29/06/2010 của Tổng Công ty Đường sắt Việt Nam. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh được đăng ký lần đầu ngày 03/12/2010 và đăng ký thay đổi lần đầu ngày 09/09/2013.

Năm 2015, Công ty thực hiện cổ phần hóa theo quyết định số 64/QĐ-BGTVT ngày 08/01/2015 của Bộ Giao thông vận tải về việc phê duyệt danh sách doanh nghiệp thực hiện cổ phần hóa. Ngày 04/01/2016, Công ty chính thức chuyển đổi thành Công ty Cổ phần Đường sắt Quảng Nam - Đà Nẵng theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần 3 do Sở kế hoạch và Đầu tư thành phố Đà Nẵng cấp.

Giá trị thực tế của doanh nghiệp tại thời điểm 31/12/2014 để cổ phần hóa (theo Quyết định số 2351/QĐ-BGTVT ngày 30/06/2015) là 13.436.891.559 VND. Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần là 15.775.000.000 VND, tương ứng 1.577.500 cổ phần.

Trụ sở chính của Công ty tại số 196, đường Hải Phòng, phường Tân Chính, quận Thanh Khê, Thành phố Đà Nẵng.

Công ty có các đơn vị trực thuộc sau:

<u>Tên đơn vị</u>	<u>Địa chỉ</u>	<u>Hoạt động kinh doanh chính</u>
Xí nghiệp Kinh doanh Dịch vụ và Xây dựng Công trình	Số 196, đường Hải Phòng, thành phố Đà Nẵng.	Theo hoạt động đăng ký kinh doanh của Công ty

#### Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động chính của Công ty là:

- Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ: Quản lý, bảo trì, sửa chữa kết cấu hạ tầng đường sắt;
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác: Xây dựng công trình giao thông đường sắt, đường bộ, công trình thủy lợi, công trình dây truyền tải điện và trạm biến áp;
- Xây dựng nhà các loại: Xây dựng công trình dân dụng, công nghiệp;
- Chuẩn bị mặt bằng: San lấp mặt bằng;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường sắt và đường bộ: Tổ chức ứng phó sự cố thiên tai, cứu nạn và tai nạn giao thông đường sắt;
- Dịch vụ lưu trú ngắn ngày: Kinh doanh cơ sở lưu trú du lịch;
- Hoạt động của các phòng khám đa khoa, chuyên khoa và nha khoa: Khám bệnh, chữa bệnh ban đầu; Chuyển tuyến khám bệnh, chữa bệnh bảo hiểm y tế;
- Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu: Bán buôn các sản phẩm từ đá;

